

Số: /QĐ-ĐĐBĐVN

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý II năm 2025 của Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam

CỤC TRƯỞNG

CỤC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ VÀ THÔNG TIN ĐỊA LÝ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-BNNMT ngày 01 tháng 03 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ các Quyết định số 4238/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2024, Quyết định số 714/QĐ-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc giao, điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Quyết định số 1550/QĐ-BNNMT ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2025 (lần 2)

Căn cứ Quyết định số 4282/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc giao kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý II năm 2025 của Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chức năng, Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp III trực thuộc Cục tổ chức thực hiện Quyết định này./.

CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Kế hoạch-Tài chính (để báo cáo);
- Lưu VT, KHTC.

Hoàng Ngọc Lâm

**ĐƠN VỊ: CỤC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ
VÀ THÔNG TIN ĐỊA LÝ VIỆT NAM**
Chương: 012

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
QUÝ II NĂM 2025**

STT	Nội dung	Dự toán năm (Trđ)	Ước thực hiện quý (trđ)	So sánh %	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	C	D	E	F
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí	10.900	2.849	26%	227%
1.1	Phí	10.900	2.849	26%	227%
	<i>Phí khai thác sử dụng dữ liệu đo đạc và bản đồ</i>	10.700	2.798	26%	232%
	<i>Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ</i>	200	51	26%	106%
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	6.560	1.029	16%	174%
2.1	Chi sự nghiệp	6.420	1.029	16%	176%
a	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>	6.183	1.029	17%	181%
b	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	237	-	0%	0%
2.2	Chi quản lý hành chính	140	-	0%	0%
a	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	140		0%	
b	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	0			0%
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	4.340	1.415	33%	183%
3.1	<i>Các hoạt động kinh tế</i>	4.280	1.415	33%	183%
3.2	<i>Chi quản lý hành chính</i>	60	11	18%	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	243.451	29.497	12%	50%
1	Chi quản lý hành chính	11.832	3.428	29%	155%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	11.151	3.428	31%	215%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	681	-	0%	0%

STT	Nội dung	Dự toán năm (Trđ)	Ước thực hiện quý (trđ)	So sánh %	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	700	84	12%	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	600	84	14%	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	100		0%	
3	Chi hoạt động kinh tế	85.741	18.547	22%	146%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0			
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	85.741	18.547	22%	184%
4	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	7.384	3.083	42%	48%
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	7.384	3.083	42%	48%
5	Chi Đầu tư phát triển	137.794	4.355	3%	12%
5.1	Dự án: Hiện đại hóa hệ thống độ cao quốc gia phục vụ công tác quy hoạch, xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội và ứng phó với biến đổi khí hậu tại một số thành phố lớn và khu vực ven biển	137.794	4.355	3%	12%